TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:**123/**2019/HNGĐ-PT
Ngày 13/8/2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quyết Thắng**
Các Thẩm phán: **Ông Nguyễn Vũ Đông**
Bà Bùi Thị Thu Hồng
Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Mạnh Hà**
Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:
Bà Ngô Phương Liên - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2019/LHPT ngày 11 tháng 6 năm 2019.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 19/04/2019 của Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 187/2019/QĐXX-PT ngày 31/7/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị HTL - sinh năm 1978

Bị đơn: Anh NVM – sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền của anh NVM: Ông NVB – sinh năm 1953. HKTT: Tập thể công try xây dựng số 6, Thăng Long, Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông NVC, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị Bình, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội *(bà Bình đã có ủy quyền cho ông Chính tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 05/3/2019)*

**** Những người làm chứng:***

+ Ông TVH, sinh năm: 1963

+ Ông NQT, sinh năm: 1963

Cùng địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

+ Ông NTH, sinh năm: 1947;

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị HTL trình bày: Chị và anh NVM kết hôn với nhau tháng 02/1997, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại: Tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh NVM thường xuyên uống rượu, đánh bạc, sau đó về đánh đập chửi bới vợ con và đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Đã nhiều lần gia đình hai bên động viên, khuyên giải nhưng anh NVM không nghe. Tháng 10/2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng hai bên sống ly thân nhau, hiện chị và các con đang phải ở nhờ nhà em gái tại thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh. Quá trình ly thân hai bên có được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh NVM nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh NVM có với nhau 04 con chung: Ngô Quảng Nam, sinh năm 1997 (đã mất năm 1998); Ngô Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 01/8/1998; Ngô Thị Tuyết, sinh ngày: 01/10/2000; Ngô Thị Ngọc Lan, sinh ngày: 08/9/2009. Hiện cháu Ngọc Ánh và cháu Tuyết đã thành niên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Lan đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Lan, chị xác định mình có đủ điều kiện để nuôi con chung, không yêu cầu anh NVM cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh NVM có xây dựng được 01 nhà 02 tầng khoảng 100m^2, công trình phụ; 01 nhà cấp 4 ba trên thửa đất số 69, diện tích đất sử dụng 428,8m^2 tại thôn Gia Thượng, Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội), đất đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ cho hộ ông NVM, ngày 18/12/2002, trên đất còn có 01 cây xoài, 01 cây ổi và 01 cây na. Ly hôn chị HTL đề nghị Tòa án chia nhà đất và cây lâm lộc theo quy định của pháp luật. ***Các tài sản khác:*** 01 điều hòa Panasonic 9000BTU mua năm 2016, 01 ti vi sam sung 42 inch mua năm 2017, 01 tủ lạnh Toshiba 145 lít, 01 bộ bàn ghế gỗ gụ, 01 ti vi LG 50inch, 01 đôi lộc bình bằng sứ, 01 âm ly Jagua, 01 đôi loa SAS, 01 đầu hát KARAOKE Vitex. Các tài sản này chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh NVM trình bày: Anh và chị HTL kết hôn với nhau tháng 02/1997, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Minh, huyện Mê Linh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại: Tổ 4, Quang Minh, huyện Mê Linh. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, hai bên không có mâu thuẫn gì. Đến năm 2015 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do chị HTL mê tính, thường xuyên cúng bái, xem bói tại gia đình, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi nhau. Bản thân anh đã khuyên giải nhưng chị HTL không nghe. Đến năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng, hai bên sống ly thân nhau. Quá trình vợ chồng sống ly thân hai bên cũng đã được chính quyền địa phương và gia đình động viên hòa giải nhưng

không có kết quả. Đến nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị HTL làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và cô HTL có với nhau 04 con chung như chị HTL trình bày là đúng. Hiện cháu Ngọc Ánh và cháu Tuyết đã thành niên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Lan đang ở với chị HTL. Ly hôn anh tôn trọng quan điểm của cháu Lan, nếu muốn ở với ai anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung: Anh và chị HTL xây dựng được 01 nhà hai tầng tổng diện tích sử dụng khoảng 100m^2, công trình phụ, 01 nhà cấp 4 mái đổ bê tông diện tích khoảng 60m^2 trên thửa đất số 69, diện tích đất sử dụng 428,8m^2 tại thôn Gia Thượng, Quang Minh, Mê Linh (nay là tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội), đất đã được UBND huyện Mê Linh cấp GCNQSDĐ cho anh là NVM, ngày 18/12/2002, trên đất còn có 01 cây xoài, 01 cây ổi và 01 cây na. Về nguồn gốc đất, năm 2007 sau khi anh và chị HTL lấy nhau, anh NVC; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là anh trai anh có cho vợ chồng ra đất của anh Chính để ở, đến năm 2002 thì được cấp giấy CNQSDĐ, anh xác định đất này là của anh NVC, anh sẽ trả lại cho anh Chính để sử dụng. *Các tài sản khác:* 01 điều hòa Panasonic 9000BTU mua năm 2016, 01 ti vi sam sung 42 inch mua năm 2017, 01 tủ lạnh Toshiba 145 lít, 01 bộ bàn ghế gỗ gụ, 01 ti vi LG 50inch, 01 đôi lộc bình bằng sứ, 01 âm ly Jagua, 01 đôi loa SAS, 01 đầu hát KARAOKE Vitex. Anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, công sức, công nợ: Không có, nên không đề nghị giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NVC và bà Hoàng Thị Bình thống nhất trình bày: Bố ông là Ngô Văn Đính (mất 2002) và mẹ là Ngô Thị Hễ (mất 2010), bố mẹ ông sinh được 10 người con là: NVC - sinh năm 1956; Ngô Văn Sự - sinh năm 1957; Ngô Thị Đĩnh - sinh năm1959; Ngô Thị Chỉ - sinh năm 1961, Ngô Văn Việt - sinh năm 1963, Ngô Thị Huấn - sinh năm 1965, Ngô Văn Chỉnh - sinh năm 1967, Ngô Thị Luyến - sinh năm 1969, Ngô Thị Chín - sinh năm 1971, NVM - sinh năm 1975. Năm 1988, toàn bộ anh chị em đã có gia đình riêng, có đất bố mẹ cho riêng.

Năm 1988, hộ gia đình cụ Đính, cụ Hễ chỉ còn các thành phần trong hộ như sau: Ông là (NVC), vợ ông là bà Hoàng Thị Bình và anh NVM.

Đến năm 1989-1990, thôn Gia Thượng có chủ trương làm đường điện dân sinh nhưng không có kinh phí nên thôn Gia Thượng đã họp toàn bộ nhân nhân trong thôn và Hợp tác xã thôn Gia Thượng để thống nhất bán đất giãn dân. Theo quy định thì các gia đình có 03 cặp vợ chồng thì sẽ được ưu tiên được mua 01 suất đất, hộ gia đình bố ông là Ngô Văn Đính được ưu tiên mua 01 suất đất diện tích 360m 2 nhưng bố ông không có tiền để mua nên ông đã bỏ ra số tiền 110.000đồng để nộp cho Hợp tác xã (ông không thuộc đối tượng để mua đất), chính ông là người đã đi nộp tiền. Sau khi nộp tiền thì Hợp tác xã đã cắm cho hộ bố ông tại Khu Gò Cuối, xã Quang Minh (nay là tổ dân phố số 4, thị trấn Quang Minh). Sau khi bàn giao đất xong thì vợ chồng làm nhà cấp bốn và ra đó ở. Lúc này, ông vẫn thoát ly (đi làm công nhân kỹ thuật tại Ga Hà Nội) và không có hộ khẩu tại địa phương. Đến năm 1996, anh NVM kết hôn với chị HTL thì ông cho hai vợ chồng anh NVM và chị HTL 200m 2 đất để ở và trông nom phần đất còn lại cho ông. Đến năm 2002, hộ anh NVM đã được UBND huyện Mê Linh cấp giấy CNQSDĐ ông cũng được biết, ông có nhờ anh NVM đứng tên vì ông không có khẩu ở nhà.

Năm 2002, anh NVM và chị HTL có xây dựng nhà 02 tầng, công trình phụ, tường rào bao quanh, bố mẹ ông và ông được biết và không có ý kiến gì về việc này.

Năm 2015, anh NVM và chị HTL chuyển nhượng 50m 2 đất ở cho chị Hà Thị
Lựu, việc này ông cũng biết và cũng không có ý kiến gì.

Nay, anh NVM và chị HTL ly hôn, ông có quan điểm như sau: Tổng diện tích sử dụng theo giấy chứng nhận năm 2002 là 515,8 m2, anh NVM đã chuyển nhượng 50 m2 và sử dụng 37 m2 làm đường đi chung để vào đất chị Hà Thị Lựu, diện tích còn lại theo giấy chứng nhận là 428,8 m2. Ông yêu cầu, anh NVM và chị HTL phải trả cho ông là 315,8 m2 đất. Trong đó là 100 m2 đất ở và 215,8 m2 đất vườn. Về các giấy tờ liên quan đến việc mua đất ông không còn lưu giữ, ông chỉ có bản xác nhận của ông NTH và ông TVH là kế toán HTX. Hiện tại, ông vẫn đang ở trên đất của bố mẹ, anh NVM không được bố mẹ cho đất, đất giãn dân được cấp cho hộ cụ Đính ông xác định mình bỏ tiền ra mua, nên là tài sản của ông.

Tại bản án số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội đã xử và quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị HTL. Chị HTL được ly hôn anh NVM.

2. Về con chung: Chị HTL được giao trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ngô Thị Ngọc Lan, sinh ngày: 08/9/2009 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi (Nếu không có sự thay đổi nào khác về việc nuôi con chung).

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng con chung đối với anh NVM. Sau khi ly hôn anh NVM có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị HTL. Xác định thửa đất số 69, tờ bản đồ 35, diện tích thửa đất 428,8m2 và các tài sản trên đất tại tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng anh NVM và chị HTL (Đất đã được UBND huyện Mê Linh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông NVM ngày 18/12/2002).

- Chị HTL được sở hữu nhà xây tường gạch mái bê tông diện tích sử dụng 58,5m2; 01 đoạn tường bao xây dựng năm 2018, 01 cây ổi và 01 cây na được xây dựng và trồng trên trên một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ 35 có diện tích đất 220,6m2 (trong đó: đất ở 70m2, đất vườn 150,6m2) được giới hạn bởi các điểm: E - F - I - H - A - B - C - D - E (có sơ đồ kèm theo) tại tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội. Có tổng trị giá: 575.470.100đ (năm trăm bảy mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi nghìn một trăm đồng).

- Anh NVM được sở hữu nhà 02 tầng có tổng diện tích sử dụng 109,6m2; công trình phụ diện tích 13,8m2; cổng sắt 02 cánh và trụ cổng; 01 cây xoài được xây dựng và trồng trên một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ 35 có diện tích đất 208,2m2 (trong đó đất ở 100m2, đất vườn 108,2m2) được giới hạn bởi các điểm: F - G - H - I - F (có sơ đồ kèm theo) tại tổ 4, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh,

Hà Nội. Có tổng trị giá 830.745.600đ (tám trăm ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng).

Anh NVM phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho chị HTL số tiền 4.548.710đ (bốn triệu năm trăm bốn mười tám nghìn bảy trăm mười đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị HTL có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh NVM không chịu trả số tiền chênh lệch về tài sản nêu trên thì hàng tháng anh NVM còn phải trả cho chị HTL số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

- Chị HTL và anh NVM tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Bác toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NVC "V/v yêu cầu, anh NVM và chị HTL phải trả cho ông là 315,8 m2 đất. Trong đó là 100 m2 đất ở và 215,8 m2 đất vườn tại thửa số 69, tờ bản đồ số 35 tại Tổ 4 (Gia Thượng), thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội".

5. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

6. Về chi phí tố tụng: Chị HTL tự nguyên nộp toàn bộ tiền chi phí tố tụng (đã thanh toán xong).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 03/5/2019, anh NVM có đơn kháng cáo với nội dung: Việc định giá hai căn nhà là không đúng và phân chia đất không đúng với tỉ lệ án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các bên đương sự không thoả thuận được với nhau việc giải quyết vụ án và không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới.

Anh NVM và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Bản án sơ thẩm căn cứ vào việc định giá tài sản là hai ngôi nhà không đúng vì ngôi nhà hai tầng đã hết khấu hao nhưng lại có giá hơn ngôi nhà một tầng. Mặt khác, bản án đã nhận định chia tài sản là quyền sử dụng đất cho anh NVM với tỷ lệ 60% nhưng lại không chia đất cho anh NVM mà lại chia giá trị bằng tiền là không thoả đáng. Đề nghị chia cho chị HTL một nửa thửa đất phía trong hoặc cắt dọc thửa đất cho chị HTL phần có cả hai ngôi nhà nhưng khi chia đảm bảo tỷ lệ quyền sử dụng đất anh NVM được hưởng là 60% bằng hiện vật là đất.

Chị HTL trình bày: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đã đảm bảo quyền lợi của chị nên chị không kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh NVM.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự và hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh NVM nằm trong thời hạn nên chấp nhận.

Về nội dung: Tại cấp sơ thẩm anh NVM nhất trí và không thắc mắc về việc định giá tài sản nên việc kháng cáo của anh NVM về giá trị hai căn nhà là không có căn cứ chấp nhận. Tại bản án sơ thẩm đã xem xét đến nguồn gốc chia cho anh NVM 60% giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp. Việc chia tài sản đã đảm bảo được quyền lợi cho các bên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh NVM nên đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Xét đơn kháng cáo của của người kháng cáo nằm trong thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên chấp nhận.

Về nội dung: Xét kháng cáo của anh NVM về việc Hội đồng định giá hai căn nhà trong đó căn nhà hai tầng đã hết khấu hao nhưng lại có giá trị nhiều hơn căn nhà một tầng thì thấy rằng tuy căn nhà hai tầng đã hết khấu hao theo quy định nhưng vẫn còn giá trị nên việc Hội đồng định giá đã định giá là đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận phần kháng cáo này của anh NVM.

Xét phần kháng cáo của anh NVM về việc bản án chia cho anh 60% giá trị quyền sử dụng đất nhưng lại chia hiện vật không theo tỷ lệ này thì thấy rằng Bản án sơ thẩm đã xem xét đến nguồn gốc thửa đất để chia cho anh với tỷ lệ này là có căn cứ. Tuy nhiên khi chia bằng hiện vật, Bản án đã đảm bảo được quyền lợi cho các bên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh NVM.

Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh NVM và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Về án phí: Anh NVM phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009. Nghị quyết 01/2012/NQ - HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh NVM. Giữ nguyên bản án số 21/2019/HNGĐ-ST ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Mê Linh, Hà Nội

2. Về án phí: Anh NVM phải chịu 300.000đ án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và phúc thẩm theo biên lai số AA/2017/0009004 ngày 07/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mê Linh, Hà Nội.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Hà Nội;
-TAND huyện Mê Linh, HN;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh, HN;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu HS.

Phan Quyết Thắng